

廣亞學校財團法人
育達科技大學學生改過銷過實施辦法
Tập đoàn tài chính giáo dục Quảng Á
Phương pháp thực thi cải cách của sinh viên trường đại học
khoa học và công nghệ Dục Đạt

中華民國 89 年 12 月 28 日八十九學年度第一學期學生事務會議通過
Ngày 28 tháng 12 năm 2000 hội nghị sinh viên học kỳ 1 của năm học thứ 89 đã được thông qua
中華民國 92 年 5 月 21 日九十一學年度第二學期學生事務會議修正
Ngày 21 tháng 5 năm 2003 hội nghị sinh viên học kỳ 2 của năm học thứ 91 đã được sửa đổi
中華民國 95 年 11 月 8 日九十五學年度第一學期第一次學生事務委員會會議修正
Ngày 8 tháng 11 năm 2006 hội nghị ủy ban sinh viên đầu tiên của học kỳ 1 năm học thứ 95 đã được sửa đổi
中華民國 96 年 9 月 13 日育亞(學務)字第 0960004562 號令發布
Ngày 13 tháng 9 năm 2007 đã ban hành điều lệ Dục Á (công tác học vụ) số hiệu 0960004562
中華民國 98 年 7 月 30 日育亞(秘)字第 0980004306 號令發布
Ngày 30 tháng 7 năm 2009 đã ban hành điều lệ Dục Á (kin) số hiệu 0980004306
中華民國 100 年 6 月 13 日九十九學年第二學期學生事務會議修正
Ngày 13 tháng 6 năm 2011 hội nghị sinh viên học kỳ 2 của năm học thứ 99 đã được sửa đổi
中華民國 100 年 8 月 23 日育亞(學務)字第 1000005668 號令發布
Ngày 23 tháng 8 năm 2011 đã ban hành điều lệ Dục Á (công tác học vụ) số hiệu 1000005668
中華民國 102 年 10 月 21 日 102 學年度第一學期第一次學生事務會議修正
Ngày 21 tháng 10 năm 2013 hội nghị sinh viên lần thứ nhất học kỳ 1 của năm học thứ 102
中華民國 102 年 11 月 15 日育亞(學務)字第 1020007606 號令發布
Ngày 15 tháng 11 năm 2013 đã ban hành điều lệ Dục Á (công tác học vụ) số hiệu 1020007606
中華民國 105 年 10 月 11 日一〇五學年第一次學生事務會議修正
Ngày 11 tháng 10 năm 2016 hội nghị sinh viên học đầu tiên của năm học thứ 105 đã được sửa đổi
中華民國 105 年 10 月 25 日育亞(學務)字第 1050009436 號令發布
Ngày 25 tháng 10 năm 2016 đã ban hành điều lệ Dục Á (công tác học vụ) số hiệu 1050009436
中華民國 106 年 10 月 13 日一〇六學年第一次學生事務會議修正
Ngày 13 tháng 10 năm 2017 hội nghị sinh viên học đầu tiên của năm học thứ 106 đã được sửa đổi
中華民國 106 年 10 月 19 日育亞(學務)字第 1060009466 號令發布
Ngày 19 tháng 10 năm 2017 đã ban hành điều lệ Dục Á (công tác học vụ) số hiệu 1060009466

第一條 廣亞學校財團法人育達科技大學（以下簡稱本校），為鼓勵觸犯校規同學，能及時改過自新、奮發向上，使能變化氣質、敦品勵學，訂定本辦法。

Điều lệ 1 : tập đoàn tài chính giáo dục Quảng Á trường đại học khoa học và công nghệ Dục Đạt (sau đây sẽ gọi tắt là trường học) đưa ra phương pháp này nhằm khuyến khích những học sinh vi phạm nội quy trường học có thể nhanh chóng thay đổi tính cách theo hướng tích cực, phẩm chất tốt học hành chăm chỉ hơn.

第二條 學生受申誡、記過或記大過以上懲處者，得親自至生活輔導與服務學習組領取輔導銷過申請單及愛校服務紀錄表，依本辦法規定申請輔導銷過。

Điều lệ 2 : những học sinh nhận được giấy cảnh cáo, bị ghi tội lớn hoặc nhỏ từ người phụ trách ở trên phải đích thân đến văn phòng phục vụ học tập và phụ đạo để lấy đơn xin phụ đạo

thêm cùng với bảng ghi chép làm công tác phục vụ trường học, xem theo quy định trong biện pháp này để xin đơn.

第 三 條 學生提出銷過申請，應至生活輔導與服務學習組領取申請書及受校服務紀錄表，由班級導師、輔導老師、系主任、學位學程主任核章，並經學生輔導諮商中心輔導晤談。

Điều lệ 3 : học sinh muốn xin phép cải thiện tội phải lấy đơn xin phép từ văn phòng phục vụ học tập và phụ đạo cùng với bảng ghi chép làm công tác phục vụ trường học, giáo viên phụ đạo, chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm lớp, và thông qua trung tâm tư vấn sinh viên để được tư vấn thêm.

第 四 條 學生申請輔導銷過者，應自選本校導師、各系、學位學程、院及行政單位師長一人，徵得其同意擔任輔導老師，共同擬訂並督導執行愛校服務計畫表。

Điều lệ 4 : học sinh xin phép phụ đạo thêm nên chọn giáo viên của trường học, giáo viên từ khoa, từ ngành học của bản thân và là một trong những giáo viên thuộc đơn vị hành chính trường, giáo viên sẽ phối hợp lên kế hoạch và giám sát việc thực hiện kế hoạch phục vụ trường của sinh viên.

第 五 條 學生輔導銷過之規定如下：

Điều lệ 5 : các quy tắc dành cho sinh viên phụ đạo :

一、記申誠處分者：其輔導期間一個月、愛校服務四小時。

二、記小過處分者：輔導期間三個月、愛校服務十二小時。

三、記大過處分者：輔導期間六個月、愛校服務三十六小時。

1. đối với sinh viên bị cảnh cáo : phụ đạo 1 tháng, phục vụ trường 4 tiếng

2. Đối với sinh viên tội nhẹ : phụ đạo 3 tháng, phục vụ trường 20 tiếng

3. Đối với sinh viên tội nặng : phụ đạo 6 tháng, phục vụ trường 36 tiếng

愛校服務須於提出申請之日起二個月內實施完畢，逾期不予採計。

Công tác phục vụ trường phải được hoàn thành trong vòng 2 tháng kể từ ngày xin phép, vượt quá thời hạn sẽ không được chấp nhận.

第 六 條 申請輔導銷過學生，輔導考察期滿未再觸犯校規，並依規定時間之完成愛校服務工作者，得申請銷過。

Điều lệ 6 : sinh viên xin phép phụ đạo, sau khi thời gian phụ đạo kiểm tra kết thúc mà tiếp tục vi phạm nội quy trường sẽ theo thời gian quy định mà hoàn thành công tác phục vụ trường, phải tiếp tục xin phép xóa tội.

第 七 條 畢業班學生申請銷過，於畢業考結束前表現良好者，均得申請銷過，不受第五條規定之限制。

Điều lệ 7 : các sinh viên trong lớp sắp tốt nghiệp xin phép phụ đạo, nên có biểu hiện tốt trước kỳ thi tốt nghiệp, đồng thời lấy được giấy xóa tội, và không vi phạm điều hạn chế tại điều lệ thứ 5.

第 八 條 學生申請銷過須經班級導師、輔導老師、學生輔導諮商中心、系主任、學位學程主任確認其有改過自新者，將改過銷過申請單及愛校服務紀錄表等審查結果

送交生活輔導與服務學習組後，依下列規定辦理

一、受申戒或記小過處分者，由學生事務長核定註銷。

二、受記大過處分者，由學生事務長審核提請獎懲委員會審議通過後，陳請校長核定。

Điều lệ 8 : học sinh đăng ký phụ đạo phải được sự xác nhận xóa tội hoàn toàn từ giáo viên phụ đạo, chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm lớp, và trung tâm tư vấn sinh viên, sau khi nộp kết quả kiểm tra cùng bảng ghi chép phục vụ trường học và giấy xin phép cho văn phòng phục vụ học tập thì sẽ theo những quy định dưới đây để xử lý :

1. Sinh viên bị cảnh cáo và phạm lỗi nhẹ sẽ được thẩm tra quyết định xóa tội bởi trưởng phòng học vụ
2. Sinh viên phạm lỗi nặng sẽ do trưởng phòng học vụ đề trình lên hội đồng ủy ban thành tích cần nhắc và phê duyệt, do hiệu trưởng quyết định.

第九條 申請改過銷過經申請核定通過，其獎懲紀錄均予以註銷。但扣減其操行成績。

Điều lệ 9 : đơn xin phép xóa tội được phê duyệt thì bảng thành tích cũng sẽ được xóa bỏ tội lỗi, nhưng điểm hạnh kiểm sẽ bị trừ đi .

第十條 考核期限截止，未達考核標準者，得重行申請輔導銷過。

Điều lệ 10 : nếu thời hạn kiểm tra đã hết mà các tiêu chí đánh giá vẫn chưa đạt được thì phải xin phép xóa tội lại từ đầu.

第十一條 學生經輔導銷過後，在學期間，再犯同一過錯，處分加倍，並不得申請銷過。

Điều 11 : sinh viên sau khi thông qua kỳ phụ đạo mà vẫn phạm lại lỗi đã từng phạm trước đó thì hình phạt sẽ gấp đôi và sẽ không lấy được giấy phép xóa tội.

第十二條 本辦法經學生事務會議通過，追溯自一〇二年八月一日施行。

Điều 12 : các điều lệ này đã được thông qua từ hội nghị sinh viên được thực thi từ ngày 1 tháng 2 năm 2013.